**Đặc tả Use Case Đăng nhập**

| **Mã Use case** | UC1100 | **Tên Use case** | Đăng nhập |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai | | |
| **Mục đích** | Đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng đăng nhập | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | |  | Tác nhân | chọn chức năng Đăng nhập | |  | Hệ thống | hiển thị giao diện đăng nhập  Nếu tác nhân chọn chức năng quên mật khẩu sẽ gọi UC1120 | |  | Tác nhân | nhập email và mật khẩu (mô tả phía dưới \*) sau đó yêu cầu đăng nhập | |  | Hệ thống | * kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa * kiểm tra email và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không | |  | Hệ thống | Đăng nhập thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 5a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 5b. | Hệ thống | thông báo lỗi: Email và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống | | 5c. | Hệ thống | thông báo lỗi: Tài khoản bị khoá, nếu email/mật khẩu đúng như tài khoản đang bị admin khoá. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập trùng khớp trong csdl, đăng nhập thành công | | |

Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Email |  | Có |  | duy@gmail.com |
|  | Mật khẩu |  | Có | Ít nhất 8 ký tự gồm chữ số và chữ cái, có ít nhất một ký tự viết hoa và một ký tự đặc biệt | Duyltu99#$ |

**Đặc tả Use Case Đổi mật khẩu**

| **Mã Use case** | **UC1020** | **Tên Use case** | **Đổi mật khẩu** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách, quản lý, nhân viên | |
| **Mục đích Use case** | | Thay đổi mật khẩu người dùng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng thay đổi mật khẩu | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu thay đổi mật khẩu | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form thay đổi mật khẩu | | 3 | Tác nhân | Nhập mật khẩu cũ, mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra các trường đã được điển đầy đủ hay chưa | | 5 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu cũ có trùng khớp với trong CSDL hay không | | 6 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng khớp hay không | | 7 | Hệ thống | Kiểm tra độ an toàn của mật khẩu | | 8 | Hệ thống | Cập nhật lại mật khẩu và thông báo thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: cần nhập đầy đủ các trường | | 5a | Hệ thống | thông báo lỗi: mật khẩu cũ không trùng khớp, yêu cầu nhập lại | | 6a | Hệ thống | thông báo lỗi : mật khẩu nhập lại và mật khẩu không trùng khớp | | 7a | Hệ thống | thông báo lỗi : Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống cập nhật lại mật khẩu thành công và hiển thị thông báo | |

**Đặc tả UC Xoá tài khoản**

| **Mã Use case** | **UC1010** | **Tên Use case** | **Xoá tài khoản** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách | |
| **Mục đích Use case** | | Xoá tài khoản khỏi hệ thống | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng xoá tài khoản | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu xoá tài khoản | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form yêu cầu tác nhân điền mật khẩu để xác minh | | 3 | Tác nhân | Điền mật khẩu để xác minh | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu có trùng khớp với trong CSDL hay không | | 5 | Hệ thống | Hiển thị thông báo xác nhận thật sự muốn xoá tài khoản hay không | | 6 | Tác nhân | Xác nhận xoá tài khoản | | 7 | Hệ thống | Xoá tài khoản thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: cần nhập đầy đủ các trường | | 4b | Hệ thống | thông báo lỗi: mật khẩu không trùng khớp, yêu cầu nhập lại | | 6a | Tác nhân | Tác nhân không xác nhận xoá tài khoản | | 6a1 | Hệ thống | Xoá tài khoản không thành công | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống xoá tài khoản người dùng khỏi cơ sở dữ liệu | |

**Đặc tả UC lấy lại mật khẩu**

| **Mã Use case** | **UC1120** | **Tên Use case** | **Lấy lại mật khẩu** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách, Nhân viên, Quản lý | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân lấy lại mật khẩu khi bị quên mật khẩu | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng quên mật khẩu | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Chọn chức năng quên mật khẩu | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form yêu cầu tác nhân điền email, số điện thoại để kiểm tra tài khoản tồn tại hay không | | 3 | Tác nhân | Điền email hoặc số điện thoại | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra tài khoản tương ứng email và số điện thoại có tồn tại hay không | | 5 | Hệ thống | Gửi mã OTP về email, số điện thoại | | 6 | Tác nhân | Xác nhận OTP | | 7 | Hệ thống | Hiển thị form lấy lại mật khẩu | | 8 | Tác nhân | Điền mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới | | 9 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng khớp hay không | | 10 | Hệ thống | Kiểm tra độ an toàn của mật khẩu | | 11 | Hệ thống | Thông báo lấy lại mật khẩu thành công, chuyển hướng sang trang đăng nhập | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: tài khoản không tồn tại | | 4b | Tác nhân | điền lại thông tin email , số điện thoại | | 6a | Hệ thống | thông báo lỗi: mã OTP không đúng | | 9a | Hệ thống | thông báo lỗi : mật khẩu nhập lại và mật khẩu không trùng khớp | | 10a | Hệ thống | thông báo lỗi : Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống cập nhật lại mật khẩu | |

**Đặc tả UC Đăng ký**

| **Mã Use case** | UC1110 | **Tên Use case** | Đăng ký |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai | | |
| **Mục đích** | Đăng ký tài khoản mới | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng đăng ký | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | |  | Khách vãng lai | chọn chức năng Đăng ký | |  | Hệ thống | hiển thị giao diện đăng ký | |  | Khách vãng lai | nhập các thông tin cá nhân (mô tả phía dưới \*) | |  | Khách vãng lai | yêu cầu đăng ký | |  | Hệ thống | kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | |  | Hệ thống | kiểm tra địa chỉ email của khách có hợp lệ không | |  | Hệ thống | kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng nhau hay không | |  | Hệ thống | kiểm tra mật khẩu có đủ mức độ an toàn hay không | |  | Hệ thống | lưu thông tin tài khoản và thông báo đăng ký thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 6a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 7a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Địa chỉ email không hợp lệ nếu địa chỉ email không hợp lệ | | 8a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Mật khẩu xác nhận không trùng với Mật khẩu nếu hai mật khẩu không trùng nhau | | 9a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống thêm thông tin vào cơ sở dữ liệu, thông báo đăng ký thành công | | |

\* Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Họ |  | Có |  | Đào |
|  | Tên |  | Có |  | Quang Duy |
|  | Email |  | Có | Địa chỉ email hợp lệ | duy@gmail.com |
| 4 | UserName |  | Có |  |  |
| 5 | Mật khẩu |  | Có | Ít nhất 8 ký tự, gồm cả chữ cái hoa và thường, ít nhất 1 chữ số và ký tự đặc biệt | Duyltu99#$ |
| 6 | Xác nhận mật khẩu |  | Có | Trùng với Mật khẩu | Duyltu99#$ |
| 7 | Ngày sinh | Chỉ chọn trong DatePicker | Có | Ngày hợp lệ | 12/12/1999 |
| 8 | Giới tính | Lựa chọn Nam hoặc Nữ | Có |  | Lựa chọn Nam |
| 9 | Số ĐT |  | Có | Số ĐT hợp lệ chỉ gồm số, dấu cách, dấu chấm hoặc dấu gạch ngang | 0912 345 678 |

**Đặc tả UC cập nhật thông tin cá nhân**

| **Mã Use case** | UC1000 | **Tên Use case** | Cập nhật thông tin cá nhân |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | Khách | | |
| **Mục đích** | Tác nhân cập nhật lại thông tin cá nhân | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng cập nhật thông tin | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã đăng nhập và hệ thống | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Khách | chọn chức năng cập nhật thông tin | | 2 | Hệ thống | hiển thị thông tin khách hàng | | 3 | Khách | cập nhật các thông tin: họ tên, số điện thoại, email, ngày sinh, địa chỉ | | 4 | Khách | submit yêu cầu | | 5 | Hệ thống | kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | 6 | Hệ thống | kiểm tra email và số điện thoại có hợp lệ hay không | | 7 | Hệ thống | Nếu tác nhân chọn xoá tài khoản, hệ thống sẽ thực hiện UC1010 Nếu tác nhân chọn thay đổi mật khẩu, hệ thống thực hiện UC1020 | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 6a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 6b. | Hệ thống | thông báo lỗi: Email và/hoặc số điện thoại chưa đúng định dạng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống cập nhật thông tin thành công và thông báo | | |

**Đặc tả UC Xem chi tiết sản phẩm**

| **Mã Use case** | UC0820 | **Tên Use case** | Xem chi tiết sản phẩm |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Mục đích** | Tác nhân xem chi tiết sản phẩm | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Khách hàng ấn vào sản phẩm | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Khách | Ấn vào mặt hàng cần xem chi tiết | | 2 | Hệ thống | hiển thị các thông tin chi tiết của sản phẩm | | 3 | Hệ thống | Nếu tác nhận chọn mua hàng hệ thống sẽ gọi đến usecase UC0821 | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1a | Khách | Khách hàng chọn xem đánh giá sản phẩm | | 1b | Hệ thống | Hiển thị đánh giá sản phẩm | | 2a | Khách | Để lại đánh giá cho sản phẩm | | 2b | Hệ thống | Ghi nhận đánh giá của khách hàng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm | | |

**Đặc tả UC Tìm kiếm sản phẩm**

| **Mã Use case** | **UC0810** | **Tên Use case** | **Tìm kiếm sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách, khách vãng lai, quản lý, nhân viên | |
| **Mục đích Use case** | | Tìm kiếm sản phẩm | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng tìm kiếm | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu tìm kiếm | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form tìm kiếm | | 3 | Tác nhân | Nhập từ khoá và chọn tìm kiếm | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra từ khoá | | 5 | Hệ thống | Hiển thị sản phẩm tìm được | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 5a | Hệ thống | Không tìm thấy sản phẩm cần tìm | | 5a1 | Tác nhân | Tìm từ khoá khác | | 5b | Hệ thống | Thông báo từ khoá không hợp lệ | | 5b1 | Tác nhân | Tìm kiếm từ khoá hợp lệ | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị ra sản phẩm phù hợp với từ khoá tác nhân tìm kiếm | |

**Đặc tả UC Lọc sản phẩm**

| **Mã Use case** | **UC0830** | **Tên Use case** | **Lọc sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách, khách vãng lai, quản lý, nhân viên | |
| **Mục đích Use case** | | Lọc ra các sản phẩm theo yêu cầu | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng lọc sản phẩm | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Yêu cầu chức năng lọc sản phẩm | | 2 | Hệ thống | Hiển thị bộ lọc | | 3 | Tác nhân | Chọn lọc sản phẩm theo : loại sản phẩm, hãng cung cấp, giá sản phẩm, | | 4 | Hệ thống | Thực hiện lọc sản phẩm theo yêu cầu | | 5 | Hệ thống | Hiển thị sản phẩm lọc phù hợp | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 5a | Hệ thống | Không lọc được sản phẩm phù hợp, thông báo không có sản phẩm phù hợp | | 5a1 | Tác nhân | Thực hiện các yêu cầu lọc khác | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị ra sản phẩm phù hợp | |

**Đặc tả UC Thêm vào giỏ hàng**

| **Mã Use case** | **UC0821** | **Tên Use case** | **Thêm vào giỏ hàng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách, khách vãng lai | |
| **Mục đích Use case** | | Thêm một sản phẩm vào giỏ hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Chọn chức năng thêm vào giỏ hàng | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã đăng nhập | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Xem chi tiết sản phẩm | | 2 | Tác nhân | Chọn số lượng sản phẩm | | 3 | Tác nhân | Chọn thêm vào giỏ hàng | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra số lượng sản phẩm còn trong kho | | 5 | Hệ thống | Thêm sản phẩm, cập nhật lại giỏ hàng  Nếu tác nhân chọn xem giỏ hàng, hệ thống gọi usecase UC0900 | | 6 | Hệ thống | Thông báo thêm vào giỏ hàng thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 4a | Hệ thống | Không còn sản phẩm trong kho, thông báo hết hàng | | 4b | Tác nhân | Chọn sản phẩm khác | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống thêm sản phẩm và giỏ hàng thành công | |

**Đặc tả UC Quản lý giỏ hàng**

| **Mã Use case** | **UC0900** | **Tên Use case** | **Quản lý giỏ hàng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách hàng | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân quản lý giỏ hàng cá nhân | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn xem giỏ hàng | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Chọn xem giỏ hàng | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giỏ hàng | | 3 | Hệ thống | * Nếu tác nhân chọn xoá sản phẩm, thực hiện UC0920 * Nếu tác nhân thay đổi số lượng một sản phẩm cụ thể, thực hiện UC0910 * Nếu tác nhân chọn thanh toán, thực hiện UC0930 | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | |
| **Hậu điều kiện** | |  | |

**Đặc tả UC Cập nhật số lượng sản phẩm**

| **Mã Use case** | **UC0910** | **Tên Use case** | **Cập nhật số lượng sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách hàng | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân thay đổi số lượng một sản phẩm cụ thể trong giỏ hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn tăng giảm số lượng sản phẩm | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống và đang xem giỏ hàng | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Thay đổi số lượng sản phẩm | | 2 | Hệ thống | Nếu người dùng tăng lượng sản phẩm, kiểm tra xem sản phẩm còn hàng hay không | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 2a | Hệ thống | thông báo lỗi: sản phẩm đã hết hàng | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống cập nhật lại số lượng sản phẩm | |

**Đặc tả UC Xoá sản phẩm**

| **Mã Use case** | **UC0920** | **Tên Use case** | **Xoá sản phẩm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách hàng | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn xoá sản phẩm | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống và đang xem giỏ hàng | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Xoá sản phẩm khỏi hệ thống | | 2 | Hệ thống | Thông báo xác nhận xoá sản phẩm | | 3 | Hệ thống | Cập nhật lại giỏ hàng | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng | |

**Đặc tả UC Thanh toán**

| **Mã Use case** | **UC0930** | **Tên Use case** | **Thanh toán** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác nhân** | | Khách hàng | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân thanh toán sản phẩm | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng thanh toán | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống và đang xem giỏ hàng | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 1 | Tác nhân | Chọn sản phẩm cần thanh toán | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form thông tin cần điền: địa chỉ, hình thức thanh toán, bên giao hàng, chọn mã giảm giá (không bắt buộc), | | 3 | Tác nhân | Điền các thông tin cần thiết để tiến hành đặt hàng, thanh toán | | 4 | Hệ thống | Xác nhận đơn hàng | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | --- | --- | --- | | 2a | Hệ thống | thông báo lỗi: các thông tin chưa chính xác | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống xác nhận đơn hàng thành công, tiến hành thanh toán | |